

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU**

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết và kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

Ngay sau khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Ban chấp hành Huyện ủy đã tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới các thành phần chủ chốt cấp xã, đảng viên và cán bộ nhân viên các phòng, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Trên tinh thần đó yêu cầu các đơn vị, ngành về tiếp tục quán triệt Nghị quyết tới các Đảng viên, cán bộ nhân viên của đơn vị và tuyên truyền để người dân hiểu. Ngày 18/01/2017, Ban Dân vận đã phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và các các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội tổ chức phát động chương trình thực hiện nghị quyết 05-NQ/TU và ký cam kết bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường tại xã Minh Sơn.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành chương trình hành động số 24-CTHD/HU, ngày 28/10/2016 về thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và kế hoạch số 49-KH/HU, ngày 22/9/2016 về học tập, quán triệt Nghị quyết số 05-NQ/TU.

Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 29/12/2016 về khuyến khích, hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2018-2021.

Hàng năm, UBND huyện Triệu đã ban hành các kế hoạch về bảo vệ môi trường như kế hoạch phát động tổng vệ sinh môi trường; kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch

hơn; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện về thực hiện phong trào “chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện Triệu Sơn...

Thực hiện ký kết chương trình phối hợp giữa UBND huyện Triệu Sơn với Ban dân vận huyện ủy, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể về tăng cường công tác bảo vệ môi trường thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 05-NQ/TU. Đăng ký các nội dung thi đua tăng cường công tác bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm đến các cấp hội để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 04-NQ/TU, số 05-NQ/TU. Ban thường vụ Hội liên hiệp phụ nữ huyện đã xây dựng kế hoạch số 203/KH-BTV, ngày 19/4/2019 về tổ chức phong trào trồng hoa, cây xanh, dọn vệ sinh môi trường “Vì đường quê xanh, sạch, đẹp” năm 2019.

Thực hiện Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, Ban thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch hành động số 29-KH/HU, ngày 20/4/2021 để quán triệt, triển khai và chỉ đạo thực hiện.

## **2. Kết quả thực hiện mục tiêu Nghị quyết.**

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết đã đạt được một số mục tiêu cụ thể như sau:

- 75% làng nghề đạt yêu cầu về môi trường, vượt 20% so với mục tiêu (55%)
- Tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt nông thôn đạt 94,7%, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 100%.
- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý 86% (mục tiêu 80%).
- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 94,46% (mục tiêu 75%).
- 100% các dự án đầu tư về sản xuất, cơ sở hạ tầng mới đầu tư trên địa bàn lập ĐTM hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 95%. Kế hoạch năm 2020, 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn.

## **3. Kết quả thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/9/2017.**

### ***3.4.1 Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường***

- Thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, hàng năm UBND huyện ký chương trình phối hợp bảo vệ môi trường với các tổ chức chính trị - xã hội như Hội LHPN huyện, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên,... Trong 05 năm, UBND huyện phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên tổ chức được 13 lớp tập huấn cho các hội viên trong công tác bảo vệ môi trường. Phối hợp với Hội nông dân huyện huyện chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng hồ thu gom bao bì hóa chất bảo vệ thực vật ngoài đồng, đến nay đã xây dựng được 2.650 hồ. Phối hợp với Hội liên hiệp

phụ nữ trong phong trào trồng hoa, cây xanh, dọn vệ sinh môi trường, đến nay có 160 đoạn đường tự quản, đoạn đường hoa được gắn biển.

- Hàng năm UBND huyện phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 01 lớp tập huấn công tác tài nguyên và môi trường cho Chủ tịch, công chức địa chính, công chức môi trường các xã, thị trấn góp phần nâng cao chất lượng, năng lực công tác, trách nhiệm thực thi pháp luật bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp xã, thị trấn. Đồng thời thực hiện chương trình nông thôn mới, hàng năm UBND huyện phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 1 đến 2 lớp tập huấn về công tác vệ sinh môi trường cho các xã đăng ký về đích NTM.

- Chất lượng công tác thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản được nâng cao; hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, xem đây là công cụ quan trọng trong việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đặc biệt các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện được tăng cường. Trong 05 năm, UBND huyện thành lập 03 đoàn kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Trong 5 năm, tổ chức kiểm tra 47 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 31 cơ sở với tổng số tiền phạt trên 77,7 triệu đồng; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra 49 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính trên 1 tỷ đồng.

- UBND huyện giao Công an huyện tăng cường các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

### **3.2 Bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm**

#### **3.2.1. Bảo vệ môi trường khu vực đô thị**

- UBND thị trấn Triệu Sơn và thị trấn Nưa đã xây dựng phương án thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trong nhân dân theo hình thức xã hội hóa; 100% khu dân cư thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định; các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị trấn đã gắn các quy định bảo vệ môi trường như đầu tư hệ thống tiêu thoát nước các khu dân cư tập trung, trên các trục đường giao thông; các công trình xử lý chất thải được kiểm soát chặt chẽ thông qua hoạt động cấp phép xây dựng; từng bước có kế hoạch xây dựng kiên cố rãnh thoát nước trong khu dân cư, định kỳ nạo vét kênh, mương khơi thông dòng chảy. Có 2 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được đầu tư (tại thị trấn Nưa và thị trấn Triệu Sơn), trong đó 2 công trình đã hoàn thành đưa vào hoạt động, tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 82,7%; hệ thống rãnh thoát nước dọc các trục đường giao thông chính được đầu tư nâng cấp; chợ Giắt, chợ Nưa được đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải; các dự án xử lý nước thải và

chất thải phát sinh trong lĩnh vực y tế được quan tâm đầu tư; năm 2020, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 94,7%

### 3.2.2. Bảo vệ môi trường nông thôn

- Kết quả thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:

Môi trường nông thôn từng bước được cải thiện, tình trạng ô nhiễm môi trường do người dân vứt rác thải xuống kênh, mương, các khu vực công cộng từng bước được kiểm soát; có 10/15<sup>1</sup> chợ được đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo dự án lĩsap, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 94,7%<sup>2</sup>.

- Kết quả thực hiện kêu gọi đầu tư lĩnh vực cấp nước:

Trên địa bàn huyện hiện có 02 công trình cấp nước sinh hoạt đã đầu tư và đi vào hoạt động; 01 dự án đang đầu tư dự kiến đi vào quý 1 năm 2022.

Tại các khu vực chưa được cấp nước sinh hoạt, UBND huyện hướng dẫn người dân sử dụng nước mưa, lọc nước ngầm phục vụ sinh hoạt, chất lượng nước đáp ứng chỉ tiêu nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%;

- Kết quả vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 94.46%.

- Kết quả xây dựng, nhân rộng và tuyên truyền các mô hình tiên tiến về bảo vệ môi trường:

Thực hiện chương trình phối hợp bảo vệ môi trường giữa UBND huyện với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện. Trên địa bàn huyện đã xây dựng và nhân rộng được các mô hình: Mô hình 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ; chi hội phụ nữ kiểu mẫu 5 không, 3 sạch, xây dựng nông thôn mới; mô hình trồng hoa thay thế cỏ dại bên đường..

- Kết quả thực hiện thu gom bao bì, chai lọ đựng hóa chất BVTV: 30/34 xã, thị trấn tổ chức thực hiện lắp đặt các bể thu gom với 2.650 bể, ngoài việc thu gom tại các bể chứa, hàng năm UBND các xã, thị trấn phối hợp với Hội nông dân, Hội phụ nữ tiến hành thu gom trên các xứ đồng để xử lý, tỷ lệ thu gom đạt 75,4%, còn lại 04 đơn vị đang tiến hành lắp đặt gồm Bình Sơn, Thọ Bình, Triệu Thành, Hợp Tiến đang tiến hành lắp đặt.

- Kết quả vận động người dân đầu tư, xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học. Đến nay có 87,12% trang trại, gia trại đã xây dựng công trình xử lý chất thải<sup>3</sup>.

- Các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện như: nghề nón lá, nghề chổi đót, làng nghề khai thác chế biến đá Đồng Thắng được UBND huyện chỉ

<sup>1</sup> 10 chợ tại các xã: Thọ Vực, Thọ Phú, Dân Lực, Dân Lý, Đồng Tiến, Thọ Dân, Thọ Ngọc, Thọ Sơn, Nông Trường, Minh Sơn.

<sup>2</sup> Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 120 tấn/ngày.

<sup>3</sup> Trên địa bàn huyện có 183 trang trại, gia trại; lượng chất thải thải ra của gia súc khoảng 150 tấn phân/ngày, 160.000 lít nước tiểu/ngày; lượng chất thải của đàn gia cầm khoảng 110 tấn/ngày.

đạo các xã xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó thành lập các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường trong các làng nghề và ban hành các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trong làng nghề.

### ***3.2.3. Thu gom, xử lý chất thải nguy hại***

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Các cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại trong sản xuất được UBND huyện hướng dẫn đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại và thực hiện việc thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với cơ sở y tế: Các bệnh viện, phòng khám, Trung tâm y tế, Trạm y tế đã thực hiện thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Các bệnh viện, phòng khám, Trung tâm y tế đã thu gom, xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải nguy hại của các bệnh viện, phòng khám trên địa bàn được xử lý tại bệnh viện đa khoa huyện.

### ***3.2.4. Bảo vệ môi trường các hệ thống sông, suối, kênh, mương***

Việc thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận người dân chưa có ý thức cao trong công tác vệ sinh môi trường. Vẫn còn tình trạng xả rác thải, xác súc vật chết xuống kênh mương gây ô nhiễm môi trường. Năm 2017, UBND huyện đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan tiến hành lắp đặt lưới chắn rác và giao nhiệm vụ cho các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp để bảo vệ môi trường tại hệ thống kênh C6, kênh C1/6, C5/6, kênh N4, N15; chỉ đạo thực hiện các giải pháp để bảo vệ kênh Nam và Sông Nhôm.

### ***3.3. Công tác tham mưu các dự án thực hiện kế hoạch hành động.***

- Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025.

- Dự án đầu tư công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vân Sơn.

- Dự án đầu tư công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho thị trấn Triệu Sơn và xã Hợp Thắng tại xã Hợp Thắng.

- Dự án đầu tư công trình xử lý nước thải tập tại các cụm công nghiệp.

- Dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt thị trấn Triệu Sơn.

- Dự án đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tại xã Thọ Ngọc.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tổ chức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn chưa được thu gom và xử lý triệt để. Tiến độ đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung của huyện còn chậm.

- Hoạt động chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư; tỷ lệ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng còn thấp, chưa có giải pháp xử lý đảm bảo; chất thải nguy hại từ hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ chưa được phân loại, xử lý đúng quy định.

- CCN Dân Lý - Dân Lực - Dân Quyền chưa được đầu tư công trình xử lý nước thải tập trung. Các cơ sở giặt, tái chế bao bì gây ô nhiễm môi trường tại một số địa phương chưa được xử lý dứt điểm (Thái Hòa, Vân Sơn, Dân Lý).

- Các đô thị trên địa bàn huyện chưa có công trình xử lý nước thải tập trung.

## **2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Nhận thức, trách nhiệm và sự hiểu biết của một bộ phận nhân dân về bảo vệ môi trường, đặc biệt là giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng còn nhiều hạn chế, chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, ít nhiều còn ảnh hưởng bởi tàn dư của tư tưởng “tiểu nông, sản xuất nhỏ”, do đó các hiện tượng “sạch nhà nhưng chưa sạch ngõ” vẫn còn phổ biến.

- Công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường còn chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng chưa cao. Việc xử lý các vi phạm về môi trường chưa thực sự quyết liệt, còn mang tính dung hòa, thiếu tính răn đe, kể cả xử lý trách nhiệm quản lý nhà nước đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc giám sát, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường còn mờ nhạt, mang nặng tính phong trào, thời điểm.

- Nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường còn yếu:

+ Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn mỏng, chưa chuyên sâu.

+ Nguồn vốn cho đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải còn hạn chế, như: xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho đô thị, hạ tầng bảo vệ môi trường cho các làng nghề, cụm công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn tập trung; kinh phí chi cho công tác bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải chưa đảm bảo yêu cầu... Các nhà đầu tư còn dè dặt, chưa mạnh dạn đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

## **III. CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

### **1. Nhiệm vụ**

#### **1.1. Khu vực đô thị**

- Tập trung đầu tư các hệ thống thu gom nước thải tại các khu dân cư tập trung, tiến tới đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt; giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư do chất thải chăn nuôi, hoạt động tiểu thủ công nghiệp; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời đối với những cơ sở gây ô nhiễm trong khu dân cư đô thị không có

giải pháp khắc phục có hiệu quả; nâng cao độ che phủ cây xanh, trồng cây xanh dọc các tuyến phố, các trụ sở, cơ quan, trường học, tạo không gian xanh để bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền cho người dân giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị; đảm bảo tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%;

### **1.2. Khu vực nông thôn**

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học, chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường công tác khuyến nông, huấn luyện kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp, nhằm hạn chế dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;

- Cải thiện điều kiện vệ sinh chuồng trại chăn nuôi ở nông thôn; đẩy mạnh thu gom và xử lý phế - phụ phẩm trong nông nghiệp và chăn nuôi, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ xây dựng các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân vi sinh, than hoạt tính;

- Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân;

- Xử lý triệt để các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật;

- Xử lý rác thải sinh hoạt trong khu dân cư và tập trung giải quyết các tụ điểm, các khu vực thường xuyên bị ô nhiễm:

+ Hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động khu xử lý rác thải tập trung của huyện tại xã Vân Sơn, Thái Hòa.

+ Trước mắt trong khi dự án xử lý rác thải tập trung chưa đi vào hoạt động, các xã, thị trấn rà soát quy hoạch bổ sung đảm bảo có đủ bãi tập kết rác thải cho nhân dân (bình quân mỗi xã có từ 1 đến 2 bãi rác hoạt động), hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển rác đi xử lý, chấm dứt tình trạng để nhân dân đổ rác ra các nơi công cộng.

+ Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân tự phân loại và chủ động xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình theo phương thức: thu gom riêng các chất thải tái chế được để bán, các chất thải dễ phân hủy thì ủ thành phân chôn lấp tại vườn, các chất dễ cháy không nguy hại phơi khô để đốt; chỉ thu gom đưa về các bãi rác tập trung của địa phương, đưa đi xử lý đối với các chất thải rắn, chất thải khó phân hủy.

+ Thành lập các hợp tác xã, doanh nghiệp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn. Đầu tư thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thu gom, xử lý rác thải tại các xã, thị trấn.

+ Rà soát, thống kê và thu gom 100% rác thải tại các tụ điểm, các khu vực thường xuyên ô nhiễm môi trường, các đường giao thông, đê, kênh... và có giải pháp hiệu quả để chất dứt tái phạm việc đổ rác tự do.

+ Tăng cường các giải pháp bảo vệ nguồn nước tại các sông, kênh, mương để không bị ô nhiễm bởi các hoạt động xả chất thải, rác thải của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

### ***1.3 Bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp, làng nghề***

- Đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành công trình xử lý nước thải tập trung tại CCN, làng nghề. Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong CCN, làng nghề, đảm bảo việc xử lý và thoát nước thải theo đúng quy định;

- Thành lập các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường trong các làng nghề và ban hành các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, đóng góp thuế, phí, tài chính cho việc xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng và triển khai Đề án bảo vệ môi trường làng nghề;

- Nâng cao độ che phủ cây xanh, phát triển các thảm thực vật xanh tại các CCN, làng nghề.

### ***1.4 Bảo vệ môi trường khu vực khai thác khoáng sản***

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn. Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, đóng cửa mỏ đối với các đơn vị hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường;

- Giám sát việc thực hiện quy định về ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường và phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, đảm bảo số kinh phí thực hiện ký quỹ phải đủ để phục hồi và cải tạo môi trường sau khai thác.

### ***1.5 Bảo vệ môi trường hệ thống sông, kênh, mương***

- Tiếp tục duy trì các biện pháp bảo vệ kênh mương thông qua việc thực hiện lắp đặt lưới chắn rác.

- Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường vào các hệ thống sông, kênh, mương, ao, hồ;

- Rà soát, thống kê và tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải độc theo các hệ thống sông lớn, đảm bảo xử lý cơ bản tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất ven sông;

- Điều tra, thống kê, lập và thực hiện dự án cải tạo, nạo vét, khơi thông dòng chảy tại các tuyến sông chảy qua khu vực đô thị, khu dân cư đang có nguy cơ bị ô nhiễm;

- Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo Nghị định 155/2016/NĐ-



CP ngày 18/11/2016 quy định về xử lý vi phạm hành chính trong công tác bảo vệ môi trường; Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 quy định về bảo vệ các công trình thủy lợi.

### ***1.6 Bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính***

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, đặc biệt là đối với các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn; hạn chế đến mức thấp nhất việc mở đường giao thông và các hoạt động gây tổn hại đến tài nguyên rừng; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc; phát triển kỹ thuật canh tác trên đất dốc có lợi cho bảo vệ độ màu mỡ của đất, ngăn chặn tình trạng thoái hoá đất và sa mạc hoá đất đai;

- Tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc săn bắn, khai thác và buôn bán, sử dụng các loài động, thực vật hoang dã, đặc biệt là các loài động, thực vật quý hiếm;

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 28/01/2016; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 21/11/2013.

## **2. Giải pháp thực hiện Nghị quyết**

### **2.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tầng lớp Nhân dân về BVMT**

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 05/NQ/TU đến các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường; xác định rõ bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài, là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân.

- Đổi mới đa dạng hoá nội dung, hình thức công tác tuyên truyền, giáo dục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện về công tác bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên mở chuyên mục bảo vệ môi trường trên hệ thống đài truyền thanh của huyện và các xã, thị trấn. Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng bảo vệ môi trường nhân các ngày: Môi trường thế giới, nước thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... Biểu dương những tổ chức, cá nhân gương mẫu, tích cực trong bảo vệ môi trường, đồng thời lên án nghiêm khắc các hành vi gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường.

## **2.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã; sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, đoàn thể để thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường**

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 05-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, địa phương, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý bảo vệ môi trường ở địa phương, đơn vị được giao phụ trách; phải coi nhiệm vụ bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới; tập trung xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ cụ thể về bảo vệ môi trường; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tập thể, đơn vị, cá nhân; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU và các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của địa phương, đơn vị mình. Những địa phương không hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu giao, còn để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn thì tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải chịu trách nhiệm và tự nhận hình thức kỷ luật trước Ban Thường vụ Huyện ủy.

## **2.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ môi trường; tăng cường bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm**

- Rà soát các văn bản pháp luật của nhà nước, văn bản chỉ đạo của tỉnh, của huyện về công tác bảo vệ môi trường để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn huyện; xác định rõ nhiệm vụ bảo vệ môi trường của chính quyền các cấp, trách nhiệm của cộng đồng dân cư, của hộ gia đình.

- Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ huyện đến xã; Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về môi trường từ huyện đến xã.

- Ban hành cơ chế phối hợp giữa các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn trong công tác bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại khu đô thị, nông thôn, tại các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các trang trại, gia trại, các khu vực khai thác khoáng sản; bảo vệ môi trường tại hệ thống sông, suối, ao hồ, kênh mương, đồng ruộng...

## **2.4. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh, ban hành cơ chế, chính sách của huyện và đẩy mạnh xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường**

- Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh và thực hiện công tác xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường; thúc đẩy hiệu quả hợp tác công - tư trong đầu tư bảo vệ môi trường; thực hiện cơ chế cho phép chủ đầu tư được trực tiếp thu để bù chi bảo vệ môi trường trên nguyên tắc “ người gây ô nhiễm môi trường phải trả tiền” và “người hưởng lợi từ môi trường phải trả chi phí”, coi đây là giải pháp mang tính đột phá để huy động nguồn lực từ xã hội, giảm gánh nặng từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Xây dựng các cơ chế chính sách trong công tác bảo vệ môi trường; tiếp cận nguồn vốn từ quỹ bảo vệ môi trường tỉnh, Trung ương để thực hiện các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn. Xúc tiến đầu tư, mời gọi các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải trong đó ưu tiên, tập trung đầu tư các công trình xử lý rác thải sinh hoạt, 2 công trình xử lý nước thải tại cụm công nghiệp, xử lý nước thải tại các đô thị thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, thị trấn Gôm.

- Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện và các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ môi trường; phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường; chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, cam kết bảo vệ môi trường, đưa tiêu chí bảo vệ môi trường gắn với gia đình, đơn vị, khu phố văn hóa; phát triển các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng các phong trào về bảo vệ môi trường.

## **2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các CCN, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; kiên quyết xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh không tuân thủ pháp luật BVMT, có các hành vi gây ô nhiễm môi trường bằng biện pháp kinh tế, hành chính; kiên quyết tạm đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng; công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về BVMT trên cổng thông tin điện tử và hệ thống truyền thanh của huyện. Tăng cường các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thăm dò khai thác tài nguyên, an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn...

- Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các đơn vị; đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền, cơ quan, đoàn thể và nhân dân trong việc giám sát cộng đồng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

- Cấp ủy, tổ chức đảng đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, Chương trình hành động số 24-CTHĐ/HU và kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy.

## **2.6. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào bảo vệ môi trường:**

- Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới tiên tiến, hiện đại hóa để nâng cao năng lực cảnh báo, điều tra, đánh giá, cung cấp thông tin đáp ứng yêu cầu ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT; chú trọng đầu tư, nghiên cứu và xây dựng các chương trình, kế hoạch về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT phù hợp với từng giai đoạn, từng ngành, từng địa phương.

- Xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT, giao cho các doanh nghiệp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện; nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến cho ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT, trong đó chú trọng các giải pháp phi công trình. Thu hút các dự án đầu tư có công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, ít chất thải và cacbon thấp.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với UBND tỉnh**

Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho huyện để thực hiện các dự án về xử lý rác thải, nước thải; xử lý cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng điểm tồn lưu hóa chất BVTV tại Thọ Thế; các dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu (Dự án Tiêu thoát lũ sông Nhom,...).

### **2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Thường xuyên Thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Hỗ trợ huyện trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho công chức phòng Tài nguyên và Môi trường và công chức cấp xã.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/cáo);
- Lưu VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Phú Quốc**

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN MỤC TIÊU**  
**CỤ THỂ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**THEO NGHỊ QUYẾT 05-NQ/TU**

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị đề nghị báo cáo	Kết quả đến năm 2021				Dự báo đến hết năm 2025
<b>1</b>	<b>Giảm cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường</b>						
1.1	Các KCN đáp ứng yêu cầu về BVMT	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Số lượng KCN hiện có	KCN đáp ứng yêu cầu về BVMT			Số lượng dự kiến
			0	Số lượng	Tên	Địa điểm	0
1.2	Các KCN xây dựng mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Số lượng KCN xây dựng mới	KCN mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung			Số lượng dự kiến
				Số lượng	Tên	Địa điểm	
			1	1	Khu công nghiệp phía Tây Thành phố Thanh Hoá	Đông Thăng	1
1.3	Các CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Công thương	Số lượng CCN hiện có	CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung			Số lượng dự kiến
			1	Số lượng	Tên	Địa điểm	2
1.4	Các làng nghề đạt yêu cầu về môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Công thương	Số lượng làng nghề hiện có	Làng nghề đạt yêu cầu về môi trường			Số lượng dự kiến
			6	7	6		7
1.5	Hộ chăn nuôi	UBND các	Số lượng hộ		Số lượng hộ chăn	Số	

	ở nông thôn có chuồng trại hợp vệ sinh	huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<i>chăn nuôi trên địa bàn hiện có</i>	<i>nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh</i>	<i>lượng dự kiến</i>		
			15.599	13.590	14.500		
1.6	Hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh		<i>Số lượng hộ gia đình trên địa bàn</i>	<i>Số lượng hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh</i>	<i>Số lượng dự kiến</i>		
			57.487	54.302	57.487		
1.7	Thu gom xử lý chất thải rắn đô thị		<i>Tỷ lệ thu gom</i>			<i>Tỷ lệ dự kiến</i>	
			100			100	
1.8	Thu gom xử lý chất thải rắn nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Xây dựng	<i>Tỷ lệ thu gom</i>			<i>Tỷ lệ dự kiến</i>	
			94,7			100	
1.9	Đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung		<i>Số lượng</i>	<i>Tên</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Số lượng dự kiến</i>	
			0			1	
1.10	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	Sở Y tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố	<i>Số lượng các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh/địa bàn</i>	<i>Các cơ sở đã thực hiện thu gom và xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn môi trường</i>			<i>Tỷ lệ dự kiến</i>
				<i>Số lượng</i>	<i>Tên</i>	<i>Địa điểm</i>	
			89	89			100
1.11	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	<i>Tỷ lệ thu gom</i>			<i>Tỷ lệ dự kiến</i>	
			86			95	

1.12	Tỷ lệ các dự án đầu tư về sản xuất, cơ sở hạ tầng mới phải có báo cáo ĐTM hoặc kế hoạch BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	<i>Số lượng các dự án đầu tư về sản xuất, cơ sở hạ tầng mới</i>	<i>Số lượng các dự án đầu tư về sản xuất, cơ sở hạ tầng mới phải có báo cáo ĐTM hoặc kế hoạch BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>	Tỷ lệ dự kiến 100
<b>2</b>	<b>Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái, cải tạo điều kiện sống của người dân</b>				
2.1	Dân số đô thị được dùng nước sạch theo chuẩn mới	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Xây dựng	<i>Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch</i>		<i>Tỷ lệ dự kiến</i>
			82,7		100
2.2	Dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<i>Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh</i>		<i>Tỷ lệ dự kiến</i>
			100		100
2.3	Số xã có công trình xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	<i>Số lượng xã, phường, thị trấn trên địa bàn</i>	<i>Số lượng xã, phường, thị trấn có công trình xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh</i>	<i>Số xã, phường, thị trấn dự kiến</i>
			34	20	01 khu tập trung
<b>3</b>	<b>Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học</b>				
3.1	Tỷ lệ che phủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<i>Tỷ lệ che phủ đạt được</i>		<i>Tỷ lệ dự kiến</i>
			11,6		11,8
3.2	Diện tích các khu rừng ngập mặn		<i>Diện tích các khu rừng ngập mặn hiện có</i>		
			0		0
<b>4</b>	<b>Tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ mức độ gia tăng phát thải khí nhà kính</b>				

4.1	Tỷ lệ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án có tính đến các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	<i>Số lượng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án được ban hành</i>	<i>Số lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án có tính đến tác động của BĐKH, nước biển dâng</i>	<i>Tỷ lệ dự kiến</i>